

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHOÁ XIV - KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016;

Xét Tờ trình số 14/TTr-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh “Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết về Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh”; Báo cáo thẩm tra số 16/BC-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này là Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Thường trực, các ban, các tổ, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khoá XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 26 tháng 7 năm 2021.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ (để b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBND tỉnh (để b/c);
- Các bộ: Công an, Tư pháp, Nội vụ (để b/c);
- TT TU, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban và Văn phòng Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm truyền thông tỉnh;
- Các chuyên viên Văn phòng;
- Lưu: VT, PC1.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Kỳ



QUY CHẾ

Bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND
ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc bảo vệ bí mật nhà nước; trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong việc bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Những nội dung không được quy định trong Quy chế này thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về bảo vệ bí mật Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến khai thác, sử dụng bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc bảo vệ bí mật nhà nước

1. Đảm bảo sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy; nhằm phục vụ nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, hội nhập quốc tế của tỉnh; góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân là trách nhiệm chung của mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Việc quản lý, sử dụng bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh cần phải bảo đảm đúng mục đích, thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và quy định của Quy chế này.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, liên quan cần chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm đối với mọi hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Bí mật nhà nước được bảo vệ theo thời hạn quy định của Luật bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh

Các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định của Điều 5 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

**Chương II
HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC****Điều 5. Xác định và soạn thảo bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước**

1. Việc xác định bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh và độ mật của bí mật nhà nước phải do người soạn thảo và ký văn bản quyết định và phải căn cứ vào danh mục bí mật nhà nước liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân và quy định tại Điều 7 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Người soạn thảo nội dung văn bản thuộc danh mục bí mật nhà nước phải đề xuất người có thẩm quyền xác định bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước, nơi nhận, số lượng bản phát hành và các quy định khác theo Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản có liên quan; việc soạn thảo văn bản bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh phải được thực hiện trên các thiết bị, máy tính chuyên dụng không được kết nối mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông... được dành riêng cho soạn thảo văn bản thuộc bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Chỉ những người là cán bộ, công chức có chức trách, nhiệm vụ liên quan và được cơ quan, cá nhân có thẩm quyền cho phép mới được tiếp nhận các văn bản, thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trường hợp tiếp nhận thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, nhưng chưa được xác định là bí mật nhà nước phải báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức để có biện pháp xử lý theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và Quy chế này.

4. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh là người có trách nhiệm ban đầu trong việc xác định bí mật nhà nước, quyết định độ mật, phạm vi lưu hành và các nội dung khác theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và Quy chế này.

5. Việc xác định độ mật của bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định hiện hành. Văn thư cơ quan Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh là người có trách nhiệm đóng dấu theo quyết định của người duyệt ký tài liệu bí mật nhà nước theo quy định.

Điều 6. Việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh độ Tuyệt mật.

2. Những người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Tối mật, bao gồm:

- a) Người được quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Trưởng các ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- c) Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Mật, bao gồm:

- a) Những người được quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Trưởng các phòng trực thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này có thể ủy quyền cho cấp phó thực hiện. Việc ủy quyền thực hiện theo Luật bảo vệ bí mật nhà nước và văn bản pháp luật có liên quan.

5. Việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải được ghi vào “Sổ quản lý sao, chụp bí mật nhà nước”. Mẫu văn bản ghi nhận việc chụp bí mật nhà nước; mẫu sổ quản lý sao, chụp bí mật nhà nước và các mẫu dấu chỉ độ mật theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BCA ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an về ban hành biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

6. Bản sao tài liệu bí mật nhà nước phải đóng dấu sao; bản chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải có văn bản ghi nhận việc chụp. Chỉ sao, chụp đúng số bản cho phép và tiêu hủy ngay bản dư thừa, bản hỏng.

7. Phương tiện, thiết bị sử dụng để sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước không được kết nối với mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông. Không thực hiện sao chụp tài liệu bí mật nhà nước qua mạng xã hội, thư điện tử. Việc sao, chụp điện mật được thực hiện theo quy định pháp luật về cơ yếu.

Điều 7. Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ và việc vận chuyển, giao, nhận bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Việc mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ để phục vụ công tác ở trong nước phải được người đứng đầu hoặc cấp phó được ủy quyền của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép. Khi kết thúc nhiệm vụ phải báo cáo người có thẩm quyền cho phép mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ về việc quản lý, sử dụng bí mật nhà nước và nộp lại cơ quan, tổ chức.

Việc mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ để phục vụ công tác ở nước ngoài phải được Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc cấp phó được ủy quyền cho phép và phải báo cáo Trưởng đoàn công tác.

Văn bản xin phép mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ phục vụ công tác trong nước, nước ngoài phải nêu rõ họ, tên, chức vụ, đơn vị công tác; tên loại, trích yếu nội dung, độ mật của tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; mục đích sử dụng; thời gian, địa điểm công tác; biện pháp bảo vệ bí mật nhà nước.

Trong thời gian mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ, nếu phát hiện bí mật nhà nước bị lộ, bị mất, người mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải báo cáo ngay với người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý, Trưởng đoàn công tác và Công an tỉnh để có biện pháp xử lý và khắc phục hậu quả.

2. Vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước do người phụ trách công tác bảo vệ bí mật nhà nước hoặc văn thư của cơ quan thực hiện. Vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước giữa Hội đồng nhân dân tỉnh với cơ quan, tổ chức của Việt Nam ở nước ngoài do giao liên ngoại giao hoặc người được giao nhiệm vụ thực hiện.

Vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải thực hiện theo nguyên tắc giữ kín, niêm phong. Trong quá trình vận chuyển tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải có biện pháp bảo quản, bảo đảm an toàn; trong trường hợp cần thiết phải có lực lượng bảo vệ. Việc vận chuyển tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước qua dịch vụ bưu chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về bưu chính.

Nơi gửi và nơi nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải kiểm tra, đối chiếu để kịp thời phát hiện sai sót và có biện pháp xử lý; việc giao, nhận phải được ghi đầy đủ vào sổ theo dõi riêng, người nhận phải ký nhận.

3. Việc giao tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện theo khoản 1 điều 4 Nghị định 26/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Trước khi giao tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải đăng ký vào “Sổ đăng ký bí mật nhà nước đi”. Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ “Tuyệt mật” chỉ ghi trích yếu khi người có thẩm quyền xác định bí mật nhà nước đồng ý;

b) Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải làm bì hoặc đóng gói riêng. Giấy làm bì phải dùng loại giấy dai, bền, khó thấm nước, không nhìn thấu qua được; hồ dán phải dính, khó bóc.

Trường hợp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thuộc độ “Tuyệt mật” phải được bảo vệ bằng hai lớp phong bì: Bì trong ghi số, ký hiệu của tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước, tên người nhận, đóng dấu “Tuyệt mật” và được niêm phong bằng dấu của cơ quan, tổ chức ở ngoài bì; trường hợp gửi đích danh người có trách nhiệm giải quyết thì đóng dấu “Chỉ người có tên mới được bóc bì”. Bì ngoài ghi như gửi tài liệu thường và đóng dấu ký hiệu chữ “A”.

Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ “Tối mật” và “Mật” được bảo vệ bằng một lớp bì, ngoài bì đóng dấu chữ “B” và chữ “C” tương ứng với độ mật của tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước bên trong.

c) Việc giao tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải được quản lý bằng “Sổ chuyển giao bí mật nhà nước”.

4. Việc nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện theo khoản 2, khoản 3 điều 4 Nghị định 26/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Sau khi nhận, tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải đăng ký vào “Sổ đăng ký bí mật nhà nước đến”;

b) Trường hợp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước mà phong bì có dấu “Chỉ người có tên mới được bóc bì”, người nhận vào sổ theo ký hiệu ngoài bì, không được mở bì và phải chuyển ngay đến người có tên trên phong bì. Nếu người có tên trên phong bì đi vắng và trên phong bì có thêm dấu “Hỏa tốc” thì chuyển đến lãnh đạo cơ quan, tổ chức hoặc người được lãnh đạo cơ quan, tổ chức ủy quyền giải quyết;

c) Trường hợp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được gửi đến mà không thực hiện đúng quy định bảo vệ bí mật nhà nước thì chuyển đến lãnh đạo cơ quan, tổ chức nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước hoặc người có tên trên phong bì (đối với trường hợp gửi đích danh) giải quyết, đồng thời phải thông báo nơi gửi biết để có biện pháp khắc phục. Nếu phát hiện tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước gửi đến có dấu hiệu bóc, mở bì hoặc bị tráo đổi, mất, hư hỏng thì người nhận phải báo cáo ngay người đứng đầu cơ quan, tổ chức để có biện pháp xử lý;

d) Nơi gửi và nơi nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải đối chiếu về số lượng, kiểm tra việc đóng bì, đóng gói tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước. Trường hợp phát hiện thiếu số lượng, sai sót trong đóng bì, đóng gói thì nơi nhận yêu cầu nơi gửi bổ sung, xử lý trước khi vào sổ theo dõi và ký nhận;

e). Trường hợp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước có đóng dấu “Tài liệu thu hồi”, cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải gửi lại đúng thời hạn ghi trên văn bản.

Điều 8. Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh

Việc cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại điều 15 của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

Điều 9. Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài

Việc cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện theo quy định tại điều 16 của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Việc bảo vệ bí mật nhà nước trong sử dụng máy tính, thiết bị nhớ ngoài, phương tiện điện tử có tính năng lưu trữ tài liệu, thông tin bí mật nhà nước

1. Các thiết bị, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng, bao gồm thiết bị, phần mềm mới dùng để soạn thảo, lưu trữ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước; các thiết bị, phần mềm được nâng cấp hoặc sửa đổi, bổ sung trước khi đưa vào sử dụng tại các bộ phận, vị trí trọng yếu, cơ mật, nơi chứa đựng bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh. Các thiết bị, phần mềm sử dụng cho các chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các bộ phận, vị trí trọng yếu, cơ mật, nơi chứa bí mật nhà nước hoặc do tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ, cho tặng phải được Công an tỉnh kiểm tra trước khi sử dụng.

2. Việc sửa chữa máy tính, thiết bị nhớ ngoài, phương tiện điện tử có tính chất lưu giữ thông tin dùng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước nếu bị hư hỏng phải do cán bộ công nghệ thông tin cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện. Thông tin cá nhân bao gồm họ và tên, nơi cư trú, số căn cước công dân, số điện thoại di động, nơi công tác làm việc phải được ghi chép lại và lưu giữ. Khi thực hiện dịch vụ phải cử cán bộ theo dõi, giám sát chặt chẽ.

3. Không được đem máy tính có tài liệu mật của Hội đồng nhân dân tỉnh được lưu trữ ra bên ngoài trụ sở để sử dụng, sửa chữa. Trường hợp buộc phải đem ra ngoài sửa chữa thì phải tháo rời và để ổ cứng lại trong trụ sở cơ quan.

4. Đối với các thiết bị nhớ ngoài, phương tiện điện tử có tính năng lưu giữ thông tin dùng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước bị hỏng, không thể sửa chữa, phục hồi hoặc đã quá thời hạn sử dụng đã được thay thế mới hoặc không còn nhu cầu sử dụng thì phải được bảo quản, xử lý hoặc tiêu hủy theo đúng quy trình, quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Không sử dụng thiết bị thu phát sóng không dây trong các hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, hệ thống mạng thông tin quan trọng quốc gia và tại bộ phận, vị trí trọng yếu cơ mật.

Điều 11. Hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước do các cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức

Việc tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh; thẩm quyền về việc sử dụng tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; thành phần tham dự; địa điểm tổ chức; phương tiện, thiết bị sử dụng trong Hội nghị, hội thảo, cuộc họp thực hiện theo các quy định tại điều 17 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước có yếu tố nước ngoài

Việc tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có nội dung liên quan đến bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo các quy định tại điều 18 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 13. Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước; gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước; điều chỉnh độ mật; giải mật

Việc xác định thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước, việc gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước, việc điều chỉnh độ mật và giải mật bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước

Việc tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định tại điều 23 của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước

1. Kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ bảo vệ bí mật nhà nước do ngân sách Nhà nước bảo đảm.

2. Hàng năm, căn cứ vào yêu cầu công tác bảo vệ bí mật nhà nước, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác bảo vệ bí mật nhà nước tổng hợp chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm đề nghị cơ quan có thẩm quyền xét duyệt để triển khai thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 16. Kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ giúp Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện việc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tham mưu xử lý kịp thời những vấn đề thuộc lĩnh vực bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Người có hành vi vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân thì tùy theo tính chất của hành vi vi phạm mà xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 17. Phân công người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước

1. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh chọn cử, ra quyết định phân công người thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước tại Phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị thuộc cơ quan Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Người được quyết định thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước phải đáp ứng tiêu chuẩn sau đây:

a) Là Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị.

b) Có tinh thần trách nhiệm cao trong thực thi pháp luật trong việc giữ gìn bí mật nhà nước; tuyệt đối phục tùng sự phân công, điều động của cơ quan, tổ chức và thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao.

c) Chịu trách nhiệm cá nhân trong trường hợp để lộ, mất tài liệu, thông tin thuộc bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 18. Chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước

Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật về công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III**TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC****Điều 19. Trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thường trực, các ban, tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện giám sát việc thực hiện Nghị quyết về ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 20. Trách nhiệm của Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật có liên quan để tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh theo đúng quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Kịp thời báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thông báo Công an tỉnh khi xảy ra lộ, mất bí mật nhà nước thuộc phạm vi quản lý để kịp thời có biện pháp giải quyết.

3. Ra quyết định phân công cán bộ trực thuộc thực hiện nhiệm vụ tham mưu, theo dõi công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 21. Trách nhiệm của người tiếp cận, người trực tiếp quản lý bí mật nhà nước

Trách nhiệm của người tiếp cận, người trực tiếp quản lý bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định của Điều 26 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.

Chương IV**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 22. Trách nhiệm thực hiện Quy chế**

1. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Định kỳ hàng năm, theo nhiệm kỳ hoặc đột xuất, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện Quy chế theo quy định.

Điều 23. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc đề nghị của ít nhất một phần ba đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh./.